

Số: 16/2018/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016
về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020
của tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Báo cáo số 185/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Hải Dương với các nội dung chính như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh:

a) Không điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đối với các dự án đang triển khai thực hiện nhưng chưa phát sinh tăng, giảm vốn.

b) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đối với các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng dư vốn, hoặc chưa bố trí đủ vốn so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao.

c) Điều chỉnh nguồn vốn (*không thay đổi kế hoạch vốn*) của một số dự án cho phù hợp với kế hoạch vốn trong cân đối NSDP 5 năm 2016-2020 đã giao.

d) Bổ sung đủ vốn để thanh toán nợ khối lượng hoàn thành và bồi thường giải phóng mặt bằng cho các dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020.

e) Bổ sung vốn cho một số dự án để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020; một số dự án mới, hạng mục mới phát sinh cần thiết phải đầu tư phục vụ cho yêu cầu kết nối vùng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các địa phương đã đảm bảo đủ điều kiện bố trí vốn đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Trong đó, kế hoạch vốn phân bổ cho dự án khởi công mới thực hiện tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 và Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ.

f) Phân bổ một phần vốn dự phòng 10% cho các chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Phương án điều chỉnh và phân bổ chi tiết:

a) Vốn ngân sách cấp huyện và cấp xã:

- Vốn trong cân đối NSDP nguồn vốn tiêu chí, định mức: Giữ nguyên kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao về ngân sách cấp huyện theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Vốn thu tiền sử dụng đất thuộc ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã: Giao bổ sung tăng 1.777 tỷ 640 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm 2016-2020 đã giao tại Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục Biểu số 01 kèm theo)

b) Vốn ngân sách tỉnh:

- Phương án điều chỉnh:

+ Bổ sung tăng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 686 tỷ 28 triệu đồng, bao gồm: nguồn thu tiền sử dụng đất là 663 tỷ 28 triệu đồng¹; thu xổ số kiến thiết là 23 tỷ đồng.

+ Điều chỉnh giảm 193 tỷ 630 triệu đồng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của các chương trình, dự án dự vốn, bao gồm: vốn dự của 47 dự án là 51 tỷ 130 triệu đồng; nguồn trả nợ vốn vay ngân hàng phát triển là 142 tỷ 500 triệu đồng.

+ Trích 253 tỷ 980 triệu đồng² trong tổng số 338 tỷ 588 triệu đồng nguồn dự phòng 10% để phân bổ chi tiết cho một số dự án, bao gồm: dự phòng vốn tiêu chí, định mức là 173 tỷ 980 triệu đồng; thu tiền sử dụng đất là 65 tỷ đồng; thu xổ số kiến thiết là 15 tỷ đồng.

+ Nguồn dự phòng vốn tiêu chí, định mức còn lại chưa phân bổ là 84 tỷ 608 triệu đồng.

- Phương án phân bổ chi tiết:

Tổng số vốn từ nguồn bổ sung tăng, điều chỉnh giảm do dự vốn và vốn dự phòng phân bổ chi tiết là 1.133 tỷ 638 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư là 8 tỷ 464 triệu đồng để lập kế hoạch

¹- HĐND tỉnh đã quyết định giao bổ sung tăng và phân bổ cho dự án tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 29/10/2018.

²- Trong đó, HĐND tỉnh đã quyết định phân bổ chi tiết 183 tỷ 601 triệu đồng cho 03 dự án tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 29/10/2018.

chuẩn bị đầu tư cho một số dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025.

+ Phân bổ 621 tỷ 552 triệu đồng cho 27 dự án trong kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

+ Bổ sung danh mục và phân bổ 11 tỷ 93 triệu đồng để thanh toán khối lượng hoàn thành và bồi thường giải phóng mặt bằng cho 08 dự án.

+ Bổ sung danh mục và phân bổ 371 tỷ 528 triệu đồng cho 08 dự án mới³.

+ Bổ sung đủ vốn còn thiếu là 99 tỷ đồng để thực hiện Đề án “*Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020*”.

+ Bổ sung 22 tỷ đồng hỗ trợ các địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết về danh mục dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 có Phụ lục biểu số 02 kèm theo)

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chi tiết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn trong cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 cho các địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật về đầu tư công và chỉ đạo các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng, đấu thầu... và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh đã được điều chỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung rà soát và trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, điều chỉnh kế hoạch thu tiền sử dụng đất 5 năm 2016-2020 cho phù hợp với kế hoạch vốn giao bổ sung, thực tế về thu tiền sử dụng đất trên địa bàn và quy định tỷ lệ điều tiết thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch hằng năm trong giai đoạn 2019-2020 của ngân sách cấp mình theo nguyên tắc bố trí đủ vốn thanh toán nợ đọng XDCB và đầu tư hoàn thành các dự án chuyển tiếp do các xã làm chủ đầu tư đã khởi công từ năm 2018 trở về trước nhưng chưa bố trí đủ vốn (*từ nguồn thu tiền sử dụng đất của ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã*); số vốn còn lại (*nếu còn*) bố trí cho dự án khởi công mới theo quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó ưu tiên đầu tư các dự án thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

3. Tập trung triển khai các dự án chuyển tiếp theo kế hoạch vốn giao hằng năm để hoàn thành đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ; hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng... để sớm triển khai các dự án khởi công mới theo kế hoạch vốn giao; hoàn thành các dự án trọng điểm, công trình quan trọng của tỉnh và của các địa phương theo đúng tiến độ.

4. Các cấp, các ngành chấp hành và tập trung thực hiện tốt các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, bảo đảm các dự án triển khai trong kế hoạch

³- Trong đó, có 03 dự án HĐND tỉnh đã quyết định bổ sung danh mục và phân bổ 183 tỷ 601 triệu đồng tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 29/10/2018.

đầu tư công hằng năm của giai đoạn 2019-2020 không phát sinh nợ khối lượng xây dựng cơ bản.

5. Tiếp tục đơn giản và công khai hóa các thủ tục hành chính về đầu tư. Xác định rõ trách nhiệm, thời gian giải quyết của chủ đầu tư, các cơ quan lập, thẩm định và phê duyệt thủ tục đầu tư. Chủ động tháo gỡ, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, nhằm sớm hoàn thành đưa dự án vào sử dụng, nâng cao hiệu quả đầu tư.

6. Tiếp tục xây dựng và công bố danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư, đặc biệt là các dự án, công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

7. Tiếp tục quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, nhất là nguồn thu tiền sử dụng đất. Phân đấu tăng thu ngân sách để bổ sung cho chi đầu tư phát triển, trong đó tập trung ưu tiên thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.

Riêng nguồn thu tiền thu sử dụng đất trong năm kế hoạch tăng so với dự toán giao đầu năm (nếu có), điều tiết về các cấp ngân sách theo tỷ lệ quy định.

8. Tăng cường công tác đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các vi phạm trong đầu tư.

9. Vốn cân đối theo tiêu chí, định mức phân bổ về ngân sách cấp huyện và ngân sách tỉnh hằng năm trong giai đoạn 2019-2020: Phân bổ cho từng huyện, thị xã và thành phố theo tỷ lệ tổng vốn tiêu chí, định mức Nhà nước giao trong năm kế hoạch so với năm trước năm kế hoạch nhân (x) với số vốn tiêu chí, định mức của từng huyện, thị xã và thành phố đã giao của năm trước năm kế hoạch.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
 - Chính phủ;
 - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
 - Ban Công tác Đại biểu;
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
 - TT HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
 - Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - Lãnh đạo và CV VP HĐND tỉnh;
 - VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - Thường trực HĐND và UBND các huyện, TX, TP;
 - Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
 - Lưu VT.
- } (để báo cáo)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hiến

BIỂU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN SỬ DỤNG ĐẠT 5 NĂM 2016-2020
CỦA CẤP HUYỆN VÀ XÃ

(Kế hoạch theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh)



STT	Chi tiêu	Đơn vị tính: Triệu đồng			
		A	B	1	2
					4=1+3
					3
					2
					3
					4
					5
					6
					7
					8
					9
					10
					11
					12
					13
					14
					15
					16
					17
					18
					19
					20
					21
					22
					23
					24
					25
					26
					27
					28
					29
					30
					31
					32
					33
					34
					35
					36
					37
					38
					39
					40
					41
					42
					43
					44
					45
					46
					47
					48
					49
					50
					51
					52
					53
					54
					55
					56
					57
					58
					59
					60
					61
					62
					63
					64
					65
					66
					67
					68
					69
					70
					71
					72
					73
					74
					75
					76
					77
					78
					79
					80
					81
					82
					83
					84
					85
					86
					87
					88
					89
					90
					91
					92
					93
					94
					95
					96
					97
					98
					99
					100
					101
					102
					103
					104
					105
					106
					107
					108
					109
					110
					111
					112
					113
					114
					115
					116
					117
					118
					119
					120
					121
					122
					123
					124
					125
					126
					127
					128
					129
					130
					131
					132
					133
					134
					135
					136
					137
					138
					139
					140
					141
					142
					143
					144
					145
					146
					147
					148
					149
					150
					151
					152
					153
					154
					155
					156
					157
					158
					159
					160
					161
					162
					163
					164
					165
					166
					167
					168
					169
					170
					171
					172
					173
					174
					175
					176
					177
					178
					179
					180
					181
					182
					183
					184
					185
					186
					187
					188
					189
					190
					191
					192
					193
					194
					195
					196
					197
					198
					199
					200
					201
					202
					203
					204
					205
					206
					207
					208
					209
					210
					211
					212
					213
					214
					215
					216
					217
					218
					219
					220
					221
					222
					223
					224
					225
					226
					227
					228
					229
					230
					231
					232
					233
					234
					235
					236
					237
					238
					239
					240
					241
					242
					243
					244
					245
					246
					247
					248
					249
					250
					251
					252
					253
					254
					255
					256
					257
					258
					259
					260
					261
					262
					263
					264
					265
					266
					267
					268
					269
					270
					271
					272
					273
					274
					275
					276
					277
					278
					279
					280
					281
					282
					283
					284
					285
					286
					287
					288
					289
					290
					291
					292
					293
					294
					295

STT	Danh mục	Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
												Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		
													Bao gồm	
													Bao gồm	
4	Cải tạo, nâng cấp đường huyện từ Lam Sơn đi Phàm Kha	2576, 12/9/2011; 1468, 16/6/2014	14.734	-660,003	-660,003			2.639,997	2.639,997				2.639,997	
5	Đường gom quốc lộ 5 đoạn từ ngã tư thị trấn Lai Cách đến KCN Đại An	601; 22/3/2013	40.193	-6.544,780	-6.544,780			7.455,220	7.455,220				7.455,220	
6	Đường (Km10+478- Km11+542), huyện Thanh Miện	542, 01/3/2011; 3241, 31/12/2013	15.183	-842,371	-842,371			4.141,329	4.141,329				4.141,329	
7	Đường 398B (Km8- Km9+500) đoạn từ Quốc lộ 18 đi chùa Thanh Mai	2385, 29/9/2014; 2809, 30/10/2015	15.598	-3.720,953	-3.720,953			10.217,247	10.217,247				10.217,247	
8	Hà tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Cầm Hoàng, huyện Cầm Giảng	178, 17/01/2011; 1563, 24/6/2014; 2595, 23/9/2016	50.612	-1.206,698	-1.206,698			7.293,302	7.293,302				7.293,302	
9	Xây dựng trạm bơm Kênh Than	1052, 27/4/2015; 1425, 08/5/2017	80.066	-8.348,775	-8.348,775			47.610,863	47.610,863				47.610,863	
10	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp kênh và công trình trên kênh Nha-Thuần	150, 13/01/2011; 2347, 17/10/2013; 453, 04/02/2016	68.566	-119,858	-119,858			20.121,445	20.121,445				20.121,445	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số
11	Kê và nạo vét kênh Nguyễn Thiện Thuật, thành phố Hải Dương	2624, 23/10/2014; 2242, 01/9/2015	4.477	-379,769	-379,769		1.662,706	1.662,706
12	Nâng cao năng lực PCCCR, bảo vệ rừng tỉnh HD giai đoạn 2014-2016	2420, 24/10/2013; 2722, 23/10/2015	12.640	-180,247	-180,247		819,753	819,753
13	Nhà học lý thuyết Trường Cao đẳng nghề Hải Dương	4067; 11/10/2004	11.226	-1,751	-1,751		849,987	849,987
14	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng của Trường THPT Từ Kỳ	1858a, 24/7/2014; 267, 26/01/2015	4.909	-156,772	-156,772		643,228	643,228
15	Công, đường vào và công trình phụ trợ của Trường THPT Cầu Xé, huyện Từ Kỳ	1235, 19/5/2014; 266, 26/01/2015	4.198	-94,771	-94,771		405,229	405,229
16	Xây dựng, cải tạo và mở rộng Trường THPT Nam Sách	2914, 13/8/2007; 3483, 30/9/2008; 3993, 05/11/2008; 904, 06/4/2011; 1897, 30/7/2014	13.368	-25,966	-25,966		341,966	341,966

Bao gồm

Bao gồm

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, Thu sử dụng	Tổng số	Vốn tiêu chi, Thu sử dụng
17	Nhà lớp học 2 tầng 18 phòng của Trường Mầm non 05/11/2010; 3005, Xã Thông Kênh, huyện Gia Lộc	944; 22/3/2012	3.954	-350,000	-4,017	1.150,000	1.308,138
18	Nhà hiệu bộ 2 tầng Trường THCS xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành	3975; 17/7/2014	3.722	-200,069	-200,069	2.299,931	2.299,931
19	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng (móng 2 tầng) Trường THCS Xã Bình Dân, huyện Kim Thành	1748; 23/5/2008	14.024	-234,531	-234,531	1.360,469	1.360,469
20	Trường THPT Bến Tâm (địa điểm mới): Giai đoạn 2 (Nhà lớp học 3 tầng số 2)	30/11/2012; 257, 2812, 17/01/2014; 3379, 29/12/2014	14.996	-576,460	-576,460	7.919,846	7.919,846
21	Nhà đa năng Trường THPT Ninh Giảng	2617; 23/10/2014	10.999	-920,007	-920,007	6.779,269	6.779,269
22	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng của Trường THPT Cẩm Giảng						

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT
23	Nhà lớp học 12 phòng, nhà hiệu bộ và công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn Trãi, phường Bến Tắm, thị xã Chí Linh	1657; 29/6/2015	12.900	-704,000			-704,000	5.196,000			5.196,000
24	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng; nhà lớp học chức năng 3 tầng 6 phòng và công trình phụ trợ của Trường THCS Quyết Thắng, xã Quyết Thắng, huyện Ninh Giang	1621; 25/6/2015	14.764	-63,700			-63,700	7.700,000			7.700,000
25	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	1006; 24/4/2015	6.398	-1,223			-1,223	1.458,094			1.458,094
26	Tăng cường kỹ năng nghề (đối ứng ODA)		5.724	-1.672,500	-1.672,500						

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, Thu sử dụng	Tổng số	Vốn tiêu chi, Thu sử dụng
27	Đo tọa độ, độ cao mộc địa giới hành chính các cấp, xây dựng bản đồ hành chính các cấp và 4361; 12/12/2007	7.778	-228,989	-228,989	582,011	582,011	582,011
28	Đo tọa độ, độ cao địa giới hành chính thị xã Chí Linh; các xã, phường thuộc thị xã Chí Linh; 1002; 23/4/2014	3.985	-186,216	-186,216			
29	Năng cao chất lượng an toàn sản phẩm nông nghiệp và chương trình khí sinh học (QSEAP) 3662; 20/11/2008	24.653	-158,413	-158,413	6.020,016	6.020,016	6.020,016
30	Dự án cảnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP) (bao gồm cả khoản vay bộ sung) 2305; 17/8/2009; 1962; 27/5/2015	12.908	-965,326	-965,326	5.531,571	5.531,571	5.531,571

Bao gồm

Bao gồm

STT	Tên mục	Số Quyết định; ngày, tháng, năm		Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức		XSKT	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức		Thu sử dụng đất	XSKT
		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020	Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh			Thu sử dụng đất	XSKT						
36	Đầu tư xây dựng và mua sắm trang bị y tế cơ bản cho Khoa ung bướu - y học hạt nhân thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	2615; 04/10/2010	186.851	-8.000,000	-8.000,000								
37	Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng Trung tâm đào tạo vận động viên Hải Dương	1573, 18/6/2010	16.366	-1,000	-1,000								
38	Đồ thờ nội từ, trưng bày Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Nam Định, huyện Nam Sách	2363; 04/11/2014	1.688	-241,571	-241,571								
39	Dường hạ tầng du lịch vào khu di tích Đền Quốc Phú, phường Chi Minh	2513; 31/10/2012	4.972	-130,194	-130,194								
40	Tu bổ, tôn tạo di tích Văn Miếu Mao Điền	1871; 25/7/2014	18.716	-2.144,625	-2.144,625								
41	Dường hạ tầng du lịch vào Khu di tích Đền thờ bà Nguyễn Thị Duệ, phường Văn An	2564; 17/10/2014	5.473	-606,439	-606,439								

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức
42	Đường hạ tầng du lịch vào Khu di tích Đền Gôm, xã Cồ Thành	2563; 17/10/2014	12.651	-613,452	-613,452		3.850,201	3.850,201	
43	Xây dựng hệ thống thoát nước xã Lai Vu, huyện Kim Thành	1398; 23/5/2011; 352; 14/2/2012; 2125; 18/9/2013	14.438	-3,888	-3,888		273,924	273,924	
44	Hệ thống cấp nước sạch xã An Đức, huyện Ninh Giang	2943; 17/11/2015	8.975	-120,627	-120,627		3.110,811	3.110,811	
45	Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Lương Bằng, TPHD (đoàn từ ngã tư Ngô Quyền đến nút giao đường Nguyễn Lương Bằng với đường Vũ Hũ)	415; 24/01/2017	11.155	-1.739,150	-1.739,150		5.577,400	5.577,400	
46	Nhà làm việc của Thường trực Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy Hải Dương	1875; 28/6/2011; 19/10/2011; 1751, 15/7/2015	227.021	-4.270,026	-4.270,026		5.729,974	5.729,974	
47	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc của Sở Thông tin và Truyền thông	876; 01/4/2016	2.193	-73,312	-73,312		1.000,000	1.000,000	

Bao gồm

Bao gồm

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số				
III.2	Dự án trong KH 5 năm điều chỉnh nguồn vốn và bổ sung vốn		2.484.685	621.552,464	67.996,904	539.923,020	13.632,540	1.233.469,508	385.652,669	779.923,020	67.893,819
III.2.1	Dự án điều chỉnh nguồn vốn		100.400		10.000,000	-10.000,000		20.000,000	10.000,000	10.000,000	
I	Cải tạo, nâng cấp đường 389B (Km0 - Km12) đoạn từ cầu An Lưu 2 đến đường 389, huyện Kinh Môn	3325; 31/10/2017	100.400		10.000,000	-10.000,000		20.000,000	10.000,000	10.000,000	
2	Đường 62m kéo dài đoạn từ Khu đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương đi huyện Gia Lộc; Đoàn tuyển bổ sung nội đường 62m kéo dài đến nút giao đường ở to cao tốc Hà Nội-Hải Phòng (giai đoạn I)	2359; 26/8/2016	357.135		15.000,000	-15.000,000		130.000,000	45.000,000	85.000,000	
3	Tu bổ đê, kè, công địa phương giai đoạn 2016-2020		200.000		15.000,000	-15.000,000		179.050,000	74.050,000	105.000,000	
III.2.2	Dự án bổ sung vốn		1.827.149	621.552,464	27.996,904	579.923,020	13.632,540	904.419,508	256.602,669	579.923,020	67.893,819
Danh mục		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	XSKT
					Bao gồm						

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh					
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT
1	Di chuyển lô 471- E81 GPMB của Công ty Ken Mark - thành phố Hải Dương	51; 09/01/2007	961	25,394	25,394		132,433	132,433			
2	Dương thành thị trần Phú Thái, huyện Kim Thành 25/12/2009; 4508, (Hàng mục: cầu An 1826, 19/8/2013 Thành)	25/12/2009; 1826, 19/8/2013	24.056	457,600	457,600		7.300,000	7.300,000			
3	Điều chỉnh, bổ sung dự án Cải tạo, nâng cấp đường huyện Cao Thăng - Tiên phong đoàn từ Km5+000 đến Km8+800, huyện Thanh Miện (bộ sung đoàn từ Km0+000 đến Km5+000 và đoạn nhánh từ đường Cao Thăng - Tiên Phong ra cầu Dao)	3324; 31/10/2017	59.281	10.000,000	10.000,000		17.000,000	17.000,000			
4	Nào vết kênh dẫn trám bom Tân Việt (T6 - Đò Phan), huyện Thanh Hà	677; 24/3/2015	4.118	90,000	90,000		2.190,000	2.190,000			

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức
5	Xây dựng trạm bơm Thanh Thủy B	1004; 23/4/2014	56.321	8,368	8,368	5.707,233	5.707,233
6	Hoàn chỉnh mặt cắt và gia cố mặt đê từ cấp III trở lên	1494, 07/5/2008; 252, 31/01/2012	120.000	2.179,877	2.179,877	14.556,436	14.556,436
7	Nhà xưởng thực hành 4 tầng của Trường Cao đẳng Nghệ Hải Dương	3395, 09/12/2010; 2953, 19/10/2011; 1072, 24/5/2013	34.321	373,327	373,327	10.760,152	10.760,152
8	Xây dựng Trường Đại học Hải Dương	1972, 02/8/2010; 996, 15/4/2011; 1985, 08/7/2011; 3196, 17/12/2014	413.763	2.969,981	2.969,981	66.219,981	66.219,981
9	Mở rộng, xây dựng và nâng cấp Trường THPT Kinh Môn II	1602, 31/5/2011; 2338, 03/8/2017	41.009	3.426,995	3.426,995	11.734,143	11.734,143
10	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng, nhà hiệu bộ và một số hàng mục phụ trợ của Trường THPT Thanh Miện, huyện Thanh Miện	1630; 26/6/2015	20.645	767,242	767,242	13.645,142	13.645,142
		Bao gồm		Bao gồm		Bao gồm	
			Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức
					Thu sử dụng đất		Thu sử dụng đất
					XSKT		XSKT

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	
		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020												Bao gồm	
11	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 12 phòng, Trường THPT Chí Linh, thị xã Chí Linh	2092; 29/7/2016	8.116	626,551	626,551	7.930,771	7.930,771								
12	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng (móng 3 tầng) của Trường THPT Dương An, huyện Bình Giang	2538; 19/9/2016	7.935	727,841	727,841	7.869,161	7.869,161								
13	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng của Trường THPT Hà Bắc, huyện Thanh Hà	3068; 28/10/2016	11.993	1.196,452	1.196,452	11.990,000	11.990,000								
14	Xây dựng, cải tạo Bệnh viện Đa khoa thị xã Chí Linh	2789; 07/10/2016	10.613	1.056,409	387,563	668,846	10.608,128	387,563						10.220,565	
15	Nâng cấp công thông tin điện tử, Trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống thu điện tử công vụ của tỉnh Hải Dương	2778a; 31/10/2015	12.757	541,552	541,552	11.972,852	11.972,852								

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh		
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số
16	Nâng cấp, mở rộng tầng dùng hệ thông phần mềm quản lý văn bản và quản lý hồ sơ, công việc tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hải Dương	3107; 31/10/2016	10.775	977,666	977,666	10.675,166	10.675,166	
17	Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần Hải Dương	2536a, 31/10/2013; 2357, 25/8/2016; 764, 10/3/2017	32.902	71,563	71,563	12.300,663	12.300,663	
18	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Địch, huyện Cẩm Giảng	1637; 22/6/2016	49.999	374,979	374,979	38.068,405	38.068,405	
19	Nhà khoa tuyến nhiệm và tương rào của Bệnh viện Đa khoa huyện Nam Sách	3067; 28/10/2016	13.157	919,482	919,482	12.761,230	12.761,230	
20	Nhà xá tri thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh; phá dỡ khối nhà 4 tầng	3486; 14/11/2017	24.248	3.000,000	3.000,000	24.038,112	24.038,112	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020			Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh				
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT
21	Nhà khoa cận lâm sàng và khoa dược; khoa khám bệnh, hồi sức cấp cứu, khoa liên chuyên khoa, khoa nhi, hành chính của Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Lộc.	3109; 31/10/2016	44.421	8.000,000			8.000,000	13.616,630	5.616,630		8.000,000
22	Cải tạo sân đường, cổng, hàng rào và công trình phụ trợ của Bảo tàng tỉnh Hải Dương	1745; 29/6/2016	3.703	192,820	192,820			1.525,880	1.525,880		
23	Cải tạo trụ sở làm việc Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hải Dương	3895; 28/10/2008	6.190	919,716	919,716			1.999,039	1.999,039		
24	Cải tạo Trụ sở làm việc Ban Quản lý các Khu công nghiệp	2770A; 30/10/2015	4.773	825,629	825,629			3.071,329	3.071,329		
25	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 5 tầng UBND tỉnh Hải Dương	121; 15/01/2018	6.847	1.900,000	1.900,000			6.823,602	6.823,602		
26	Trung tâm văn hóa xứ Đông	1200; 17/4/2018	648.705	570.000,000		570.000,000		570.000,000		570.000,000	

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020		Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh	
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức	Tổng số	Vốn tiêu chí, định mức
27	Số chi huy và cơ quan Bộ Chỉ huy quản sự tỉnh Hải Dương	4033, 30/10/2009; 4976, 16/12/2013	155.540	9.923,020	9.923,020	9.923,020	9.923,020
III.3	Dự án bổ sung mới		1.620.506	382.621,553	224.593,874	158.027,679	382.621,553
III.3.1	Thành toán nợ XDCB và bồi thường GPMB		1.045.902	11.093,447	11.093,447		11.093,447
1	Xây dựng, cải tạo hồ đập, cải tạo xã Chi Linh	2370; 13/9/2010	83.814	29,784	29,784		29,784
2	Cải tạo hồ Phương Hoàng	5017, 10/12/2004; 2279, 06/9/2010	83.889	3,846	3,846		3,846
3	Chống sạt lở, ổn định lòng dẫn đoạn sông Thái Bình khu vực TPHD bảo vệ và phát triển đô thị	2432, 13/6/2005; 1534, 27/4/2009; 1042, 28/4/2010; 325, 20/01/2017	341.719	950,940	950,940		950,940
4	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2011	640; 27/03/2012	21.875	83,500	83,500		83,500
5	Xây dựng trạm bơm Phi Xã, huyện Thanh Miện (GPMB)	1460; 25/5/2009	148.992	2.366,970	2.366,970		2.366,970

Bao gồm

Bao gồm

STT	Danh mục	Số Quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Vốn tiêu chi,		XSKT	Tổng số	Vốn tiêu chi, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT	Tổng số	Thu sử dụng đất	XSKT	Danh mục
					định mức	đất									
Quyết định chủ trương đầu tư/															
Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020															
Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh															
Quyết định chủ trương đầu tư															
Bao gồm															
Bao gồm															
6	Cải tạo, nâng cấp và kiến cơ hoá hệ 1470, 25/5/2009; thông thủy lợi sau 1444, 27/4/2015; nhà máy nhiệt điện 1876, 18/5/2017	544; 01/3/2011	156.110	1.542,393	1.542,393			1.542,393	116,014			1.542,393	116,014		Xử lý khẩn cấp kè An Bình, huyện Nam Sách
7	Xử lý cấp bách các công trình đê điều bị sạt do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017		156.000	6.000,000	6.000,000			6.000,000	116,014			6.000,000	116,014		
III.3.2	Khởi công mới dự án		574.604	371.528,106	213.500,427	158.027,679		371.528,106	213.500,427	158.027,679		213.500,427	158.027,679		
1	Cầu Mây - Dương tỉnh 389	137; 12/9/2018	347.660	250.000,000	91.972,321	158.027,679		250.000,000	91.972,321	158.027,679		250.000,000	91.972,321	158.027,679	
2	Xây dựng tuyến kết nối đường tỉnh 396 (huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương) với đường huyện 80 (huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên)	3801; 12/10/2018	19.355	17.419,000	17.419,000			17.419,000	17.419,000			17.419,000	17.419,000		

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT
3	Xây dựng một số đoạn tuyến thuộc đường gom phía Bắc Quốc lộ 5 đoạn đi qua thành phố Hải Dương (từ K51+035-K54+205)	957; 27/3/2018	22.383	10.000,000	10.000,000			10.000,000	10.000,000		
4	Mở rộng, nâng cấp đường trục chính phường Chí Minh, thị xã Chí Linh (đoạn từ đường tránh QL37 đến đường Trần Quốc Chân)	4608; 10/12/2018	14.904	14.900,000	14.900,000			14.900,000	14.900,000		
5	Đường kết nối quốc lộ 38 với đường huyện 31, tỉnh Hưng Yên (đoạn thuộc huyện Cẩm Giàng)	4609; 10/12/2018	54.211	30.000,000	30.000,000			30.000,000	30.000,000		
6	Xây dựng tuyến nối đường tỉnh 398B (tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 345 (tỉnh Quảng Ninh), thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	4241; 15/11/2018	46.881	10.000,000	10.000,000			10.000,000	10.000,000		

STT	Danh mục	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020				Kế hoạch vốn 5 năm 2016-2020 sau điều chỉnh			
		Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
					Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT		Vốn tiêu chí, định mức	Thu sử dụng đất	XSKT
7	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030		60.000	30.000,000	30.000,000			30.000,000	30.000,000		
8	Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước cho khu dân cư lân cận khu công nghiệp Cẩm Điền-Lương Điền	4004; 30/10/2018	9.209	9.209,106	9.209,106			9.209,106	9.209,106		
IV	THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN VÀ KHÁC		159.000	-21.500,000	-68.938,550	22.302,390	25.136,160	433.500,000	326.061,450	82.302,390	25.136,160
1	Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020		159.000	99.000,000	73.561,450	302,390	25.136,160	159.000,000	73.561,450	60.302,390	25.136,160
2	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			22.000,000		22.000,000		72.000,000	50.000,000	22.000,000	
3	Trả nợ vốn vay NHPT			-142.500,000	-142.500,000			202.500,000	202.500,000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG